

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HSST

Ngày : 29/8/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Bá Đăng và bà Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Ông : Phạm Xuân Hà - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2019/TLST – HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST ngày 16 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo :

Phạm Văn N, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1991

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Trung Nh, sinh năm 1960 con bà Hà Thị T, sinh năm 1958 đều trú tại thôn Đ, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Bị cáo chưa có vợ, con
Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 12/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đến ngày 20/3/2019 chấp hành xong.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó ở nhà lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- Bị hại:

Bà: Phạm Thị L, sinh năm 1971

(Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng:

Chị: Phạm Hải Y, sinh năm 2001.

(Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 23/5/2019, Phạm Văn N đi bộ từ nhà đến khu vực trang trại nhà bà Phạm Thị L, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến cổng trang trại nhà bà L, quan sát thấy cổng khóa, nhà trang trại đóng cửa nên N trèo qua tường bao vào khu vực chuồng nuôi ngan của trang trại, thấy bên trong có nuôi ngan. N đi xung quanh trang trại tìm được 03 vỏ bao xác rắn rồi vào chuồng nuôi ngan bắt trộm 23 con ngan bỏ vào 03 bao rồi dùng dây buộc miệng bao lại. N sách 02 bao đựng ngan trèo qua tường ra ngoài, bơi qua sông sang cánh đồng thôn T cất giấu rồi tiếp tục quay lại trang trại nhà bà L để lấy bao ngan còn lại thì bị mẹ con chị L phát hiện hô hoán, N bỏ bao ngan chạy ra khu vực cánh đồng thôn T thì bị công an xã D cùng quần chúng nhân dân bắt giữ, đưa về trụ sở UBND xã D lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra N còn khai nhận hành vi trộm cắp ngan, gà của gia đình bà L cụ thể như sau :

Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 17/5/2019, N đi bộ một mình đến khu vực trang trại nhà bà L trộm cắp 09 con gà mái đẻ. Sau đó N mang số gà đến khu vực chợ Bo, thành phố Thái Bình bán cho một người phụ nữ không quen biết với giá 900.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 04 giờ sáng ngày 21/5/2019, N đi bộ một mình đến trang trại nhà bà Lan trộm cắp ngan cho vào 03 bao tải. Sau đó N mang số ngan đến khu vực chợ Bo, thành phố Thái Bình bán cho một người phụ nữ không quen biết với giá 1.500.000 đồng. Khi bán N cân số ngan trộm cắp được có trọng lượng là 50 kg.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL- ĐG ngày 28/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: “ 23 con ngan có tổng trọng lượng 48 kg, ngan thịt, trị giá 2.4960.000 đồng ”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KL- ĐG ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: “ Ngan thịt với tổng trọng lượng 50 kg trị giá 2.000.000 đồng; 09 con gà mái đẻ có tổng trọng lượng 18 kg trị giá 1.260.000 đồng ”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 79/CT- VKSTT ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội " Trộm cắp tài sản " theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luận tội của Kiểm sát viên: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố với bị cáo về tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm văn N từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Phạm Thị L số tiền 3.260.000 đồng

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác vắng mặt được công bố tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị hại, người làm chứng vắng mặt nhưng tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau : Đơn trình báo và lời khai của bị hại, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản, hình ảnh trích xuất camera và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 23/5/2019, tại trang trại của gia đình bà Phạm Thị L có địa chỉ tại thôn Đ, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Phạm Văn N đã có hành vi trộm cắp 23 con ngan thịt, tổng trọng lượng là 48 kg trị giá 2.496.000 đồng. Ngoài ra, vào khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 21/5/2019, N vào trang trại nhà bà L trộm cắp 50 kg ngan thịt trị giá 2.000.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, hành vi đó của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản ” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

[5]. Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật, bị cáo thực hiện hai lần trộm cắp tài sản của nhà bà Lan nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo nhận ra lỗi lầm đã phạm phải để phấn đấu trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[6]. Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7]. Đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 17/5/2019, do giá trị tài sản chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Thái Thụy đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với N là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Phạm Thị L yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà 3.260.000 đồng là tiền bị cáo đã trộm cắp ngan, gà của bà. Bị cáo chưa bồi thường số tiền trên cho bà Lan, vì vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lan số tiền trên.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn N phải bồi thường cho bà Phạm Thị L số tiền 3.260.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện Thái Thụy
- Công an huyện Thái Thụy
- Chi cục THA huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh Thái Bình
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương